

Bản án số: 20/2022/DS-ST
Ngày 27 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thế Dương

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Trọng Búp; ông Giang Mạnh Hào.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Võ Thị Hồng H sinh năm 1971. Địa chỉ: Thôn 4, xã K, huyện M, tỉnh Đ. Bà H có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* vợ chồng ông Phạm Hoài T sinh năm 1957 bà Nguyễn Thị H1 sinh năm 1958. Địa chỉ: Thôn 8, xã C, huyện M, tỉnh Đ. Ông T bà H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Võ Thị Hồng H trình bày:*

Tôi là trưởng nhóm kinh doanh Bảo hiểm Nhân Thọ, bà Nguyễn Thị H1 là tư vấn viên Bảo hiểm Nhân Thọ, nên chúng tôi quen biết nhau. Tôi đã nhiều lần cho vợ chồng ông T bà H1 vay tiền, cụ thể như sau:

- Ngày 22/01/2016 vợ chồng ông T bà H1 vay 60.000.000đồng, thời hạn vay đến ngày 20/12/2015 âm lịch tức ngày 29/01/2016 dương lịch.

- Ngày 14/6/2016 vợ chồng ông T bà H1 vay 158.000.000đồng, thời hạn đến ngày 14/7/2016.

Do thân quen nhau, thỉnh thoảng tôi vẫn nhắc nhở vợ chồng ông T bà H1 trả nợ, nhưng vợ chồng ông T bà H1 khất nần.

- Sáng ngày 26/01/2018, vợ chồng ông T bà H1 đặt vấn đề vay tôi 400.000.000đồng để đảo nợ Ngân hàng, do cả nể tôi chấp nhận cho vợ chồng ông T bà H1 vay 400.000.000đồng, thời hạn đến tháng 5/2018 trả nợ. Chiều ngày 26/01/2018, vợ chồng ông T bà H1 tiếp tục đặt vấn đề vay của tôi 300.000.000đồng để chi phí làm bìa đỏ và đi chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do vợ chồng ông T bà H1 cầm cố để vay tiền người khác. Vợ chồng ông T bà H1 cam kết, khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông T bà H1 vay tiền của Ngân hàng trả hết nợ gốc và lãi cho tôi. Do tin tưởng vợ chồng ông T bà H1. Tôi lại cho vợ chồng ông T bà H1 vay 300.000.000đồng, thời hạn trả nợ 29/01/2018. Như vậy, ngày 26/01/2018 tổng cộng vợ chồng ông T bà H1 vay của tôi 700.000.000đồng. Đến ngày 10/7/2018, bà H1 trả cho tôi 100.000.000đồng theo giấy vay 300.000.000đồng.

- Ngày 15/7/2018, vợ chồng ông T, bà H1 viết giấy vay của tôi số tiền 100.000.000đồng. Số tiền này là chi phí vợ chồng bà H1 nhận nợ với mục đích nhờ tôi làm dịch vụ giúp vợ chồng ông T bà H1 làm bìa đỏ.

Các giấy vay tiền đều do bà H1 trực tiếp viết thông tin vào giấy vay tiền được in theo mẫu, lãi suất theo thỏa thuận, bà H1 và ông T cùng ký tên người vay. Từ cuối năm 2018 đến nay, tôi liên tục yêu cầu vợ chồng ông T bà H1 trả nợ các khoản trên, nhưng vợ chồng ông T bà H1 khất nần.

Theo đơn khởi kiện ngày 23/5/2022, tôi yêu cầu vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho tôi tổng số tiền 1.485.212.000đồng. Trong đó, 1.018.000.000đồng tiền vay gốc và 467.212.000đồng tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện, tiền lãi tiếp tục được tính đến ngày vợ chồng ông T bà H1 trả xong nợ cho tôi.

Nay tôi xin rút lại một phần khởi kiện đối với vợ chồng ông T bà H1, cụ thể: Rút yêu cầu khởi kiện đối với 100.000.000đồng tiền chi phí dịch vụ làm bìa đỏ theo giấy vay tiền ngày 15/7/2018 để khởi kiện bằng vụ án khác; Rút lại phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 100.000.000đồng bà H1 đã trả cho tôi theo giấy vay 300.000.000đồng ngày 26/01/2018, cùng tiền lãi phát sinh của 02 khoản tiền này. Tại phiên tòa tôi yêu cầu vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho tôi 818.000.000đồng tiền nợ gốc và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm đến khi vợ chồng ông T bà H1 trả xong nợ cho tôi.

* Bị đơn là vợ chồng ông Phạm Hoài T bà Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét

xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều từ chối ký biên bản giao nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc. Quá trình làm việc, bà H1 trình bày đã trả các khoản nợ mà bà H khởi kiện, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; Việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng theo đúng quy định của BLTTDS; Bị đơn không chấp hành quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ T thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H: Buộc vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho bà H 818.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh kể từ ngày vay đến ngày xét xử theo lãi suất 10%/năm, vợ chồng ông T bà H1 phải chịu tiền lãi đến khi trả nợ xong cho bà H; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện mà bà H về yêu cầu vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho bà H 200.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[1.1] Nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Phạm Hoài T bà Nguyễn Thị H1 phải trả nợ tiền vay cho bà H. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện M, tỉnh Đ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk.

Bị đơn vợ chồng ông T bà H1 đã được tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng đều từ chối ký biên bản giao nhận văn bản tố tụng và không đến Tòa án làm việc. Vụ án được đưa ra xét xử lần thứ nhất vào ngày 20/9/2022, vợ chồng ông T bà H1 vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa thứ hai bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền 100.000.000đồng phí dịch vụ làm bìa đỏ theo giấy vay tiền ngày 15/7/2018 và số tiền 100.000.000đồng bà H1 đã trả cho bà H ngày 10/7/2018

theo giấy vay 300.000.000đồng ngày 26/01/2018. Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS, HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 15/7/2018 và 100.000.000đồng bà H1 đã trả cho bà H ngày 10/7/2018, cùng tiền lãi phát sinh.

[2]. Về nội dung.

[2.1] Về nợ gốc:

Nguyên đơn nộp cho Tòa án 04 bản gốc các giấy vay tiền, các giấy vay tiền thể hiện bị đơn ký nhận nợ với nguyên đơn với tổng số tiền là 918.000.000đồng. Quá trình tố tụng, bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, từ chối tham gia tố tụng. Tại biên bản từ chối nhận các văn bản tố tụng, từ chối việc Tòa án lấy lời khai, tham gia tố tụng, được Tòa án lập ngày 27/5/2022 và ngày 07/7/2022 đối với ông T và bà H1, bà H1 tự ghi vào biên bản “ Tôi không nhận tất cả giấy tờ vì bà H vu khống vì tôi đã trả rồi; Tôi đề nghị chuyển hồ sơ gian này sang Công an vì bà H bắt ép tôi ký vay bảo hiểm, làm bì a đỏ với lãi suất 5 ngàn đồng 1 triệu 1 ngày”, nhưng bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Theo Điều 463 Bộ luật dân sự quy định về Hợp đồng vay tài sản “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định bị đơn nợ nguyên đơn theo các giấy nhận nợ ngày 22/02/2016, ngày 14/6/2016 và ngày 26/01/2018 tổng cộng là 918.000.000đồng. Các khoản nợ nêu trên đều đã quá hạn trả nợ, ngày 10/7/2018, bị đơn (bà H1) mới trả cho nguyên đơn 100.000.000đồng của số tiền vay ngày 26/01/2018. HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho nguyên đơn bà H 818.000.000đồng tiền vay.

[2.2] Về tiền lãi phát sinh:

Quá trình tố tụng, các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hiệu. Các giấy vay tiền ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện vay có thời hạn và có lãi, nhưng không thỏa thuận ghi rõ lãi suất. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên HĐXX cần chấp nhận. Cụ thể, đến ngày xét xử 27/9/2022, tiền lãi phát sinh trên các khoản nợ gốc được tính như sau:

- Tiền lãi trên nợ gốc 60.000.000đồng từ ngày 22/01/2016 đến ngày 27/9/2022 là: $60.000.000\text{đồng} \times 2.440 \text{ ngày} \times 10\% : 365 \text{ ngày} = 40.109.589 \text{ đồng};$

- Tiền lãi trên nợ gốc 158.000.000đồng từ ngày 14/6/2016 đến ngày 27/9/2022 là: $158.000.000\text{đồng} \times 2.296 \text{ ngày} \times 10\% : 365 \text{ ngày} = 99.388.493 \text{ đồng};$

- Tiền lãi trên nợ gốc 700.000.000đồng từ ngày 26/01/2018 đến ngày 10/7/2018 (ngày bà H1 trả cho bà H 100.000.000đồng) là: $700.000.000\text{đồng} \times 165 \text{ ngày} \times 10\% : 365 \text{ ngày} = 31.643.836 \text{ đồng}$;

- Tiền lãi trên nợ gốc 600.000.000đồng từ ngày 11/7/2018 đến ngày 27/9/2022 là: $600.000.000\text{đồng} \times 1539 \text{ ngày} \times 10\% : 365 \text{ ngày} = 252.986.301\text{đồng}$;

Tổng tiền lãi là 424.128.219đồng (làm tròn số 424.128.000đồng).

Như vậy, buộc bị đơn vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho nguyên đơn bà H là 1.242.128.000đồng, bao gồm tiền nợ gốc 818.000.000đồng, nợ lãi 424.128.000đồng.

[2.3] Tiền lãi bà H yêu cầu được HĐXX chấp nhận, chênh lệch với yêu cầu của đơn khởi kiện 43.084.000đồng (Tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện 467.212.000đồng - tiền lãi được HĐXX chấp nhận 424.128.000đồng) là do bà H rút yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả 200.000.000đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên [1.2], nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn ông T bà H1 phải trả 43.084.000đồng tiền lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Phạm Hoài T bà Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $49.264.000\text{đồng} = (1.242.128.000\text{đồng} - 800.000.000\text{đồng}) \times 3\% + 36.000.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ Luật Dân sự; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H:

Buộc vợ chồng ông Phạm Hoài T bà Nguyễn Thị H1 phải trả cho bà Võ Thị Hồng H 1.242.128.000đồng (*Một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng*), bao gồm 818.000.000đồng tiền gốc và 424.128.000đồng tiền lãi tiền lãi theo các giấy vay tiền ngày 22/01/2016, 14/6/2016 và 26/01/2018.

Kể từ ngày 28/9/2022 đến khi thi hành xong bản án, bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H đối với yêu cầu bị đơn vợ chồng ông T bà H1 phải trả cho bà H 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 15/7/2018 và số tiền 100.000.000đồng bà H1 đã trả cho bà H ngày 10/7/2018 theo giấy vay 300.000.000đồng ngày 26/01/2018, cùng số tiền lãi 43.084.000đồng.

3. Về án phí:

- Vợ chồng ông Phạm Hoài T bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 49.264.000đồng (*Bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi tư ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Võ Thị Hồng H 21.270.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0009377 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M'Đrăk.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện M'Đrăk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thế Dương